

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO
SÔNG ĐÀ

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 6 - 7 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 8 - 11 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2014 | 12 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2014 | 13 - 14 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014 | 15 - 44 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán.

Khái quát về Công ty Cổ phần Simco Sông Đà

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0101401706 ngày 21 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 14 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi tên Công ty, trụ sở hoạt động và vốn điều lệ.

Vốn điều lệ:

131.034.260.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 04 3 552 0402

Fax : 04 3 552 0401

Mã số thuế : 0101401706

Hoạt động kinh doanh

- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Tổng Công ty Sông Đà);
- Dịch vụ tư vấn du học;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: Vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Tư vấn thiết kế trang Web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động; Mua bán và vận chuyển than;
- Nhận ủy thác đầu tư của tổ chức và cá nhân (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động chứng khoán, nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động của tổ chức tín dụng, kinh doanh bảo hiểm);
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, Dịch vụ quảng cáo bất động sản, Dịch vụ quản lý bất động sản, Dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ định giá bất động sản;
- Thiết kế thời trang đồ nội ngoại thất (không bao gồm thiết kế nội ngoại thất công trình);
- Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Kinh doanh sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản, kho bãi, kho ngoại quan, các hoạt động dịch vụ vận tải và hoạt động logistics;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Dạy nghề; Đào tạo cao đẳng;
- Dịch vụ tư vấn chuyên giao công nghệ.

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|--|--|
| Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh | Số 16, đường Hằng Chi, thành phố Hà Tĩnh |
| Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật – Công nghệ – Kinh tế Simco Sông Đà | Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà – Xí nghiệp xây dựng Simco Sông Đà | Tòa nhà Simco Sông Đà, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà – Trung tâm du lịch | Tòa nhà Simco Sông Đà, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội |

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Ngày 10 tháng 4 năm 2014 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã ra quyết định số 58/SIMCO-HĐQT về việc tạm ngừng hoạt động Trung tâm du lịch trực thuộc Công ty. Theo đó Trung tâm du lịch sẽ tạm ngừng hoạt động trong thời hạn từ ngày 20 tháng 5 năm 2014 đến ngày 20 tháng 5 năm 2015.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 công ty được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 44).

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|----------|---|
| Ông Chu Minh Tuấn | Chủ tịch | 18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018) |
| Ông Nguyễn Thiện Mỹ | Ủy viên | 18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018) |
| Bà Đặng Thị Thường | Ủy viên | 18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018) |
| Ông Hà Quang Nhân | Ủy viên | 18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018) |
| Ông Nguyễn Văn Ngọc | Ủy viên | 18 tháng 4 năm 2013 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------|------------|---|
| Ông Chu Tuấn Anh | Trưởng ban | 18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018) |
| Ông Võ Kim Sơn | Thành viên | 18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018) |
| Ông Hà Hồng Ninh | Thành viên | 18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018) |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|-------------------|--|---------------------|
| Ông Nguyễn Thiện Mỹ | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 23 tháng 5 năm 2013 | |
| Ông Trần Hoàng Khánh | Phó Tổng giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 23 tháng 5 năm 2013 | 11 tháng 7 năm 2014 |
| Bà Đặng Thị Thường | Phó Tổng giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 23 tháng 5 năm 2013 | 11 tháng 7 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Ngọc Thạch | Phó Tổng giám đốc | 6 tháng 8 năm 2012 | |
| Ông Nguyễn Ngọc Kim | Phó Tổng giám đốc | 6 tháng 8 năm 2009 | 11 tháng 7 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Trọng Đạt | Phó Tổng giám đốc | 21 tháng 2 năm 2011 | |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thiện Mỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 159/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, được lập ngày 23 tháng 3 năm 2015, từ trang 1 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ về tình hình tài chính của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, một số khoản đầu tư ủy thác qua Tổng Công ty Sông Đà, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty này (chi tiết xem thuyết minh báo cáo tài chính số V.15). Với các tài liệu hiện có chúng tôi không thể đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 120.741.955.988 | 158.590.946.473 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 4.414.085.007 | 5.720.640.886 |
| 1. Tiền | 111 | | 4.414.085.007 | 5.720.640.886 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 8.485.230.611 | 10.536.309.544 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 8.485.230.611 | 10.536.309.544 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 17.393.107.494 | 20.702.255.045 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 5.278.725.289 | 6.015.972.046 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 5.825.470.450 | 5.519.011.350 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 11.251.780.098 | 13.734.869.148 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | (4.962.868.343) | (4.567.597.499) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 88.709.009.562 | 110.955.245.126 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 88.709.009.562 | 110.955.245.126 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.740.523.314 | 10.676.495.872 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 197.263.757 | 54.455.738 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 226.161.417 | 337.813.905 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 457.571 | 457.571 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.9 | 1.316.640.569 | 10.283.768.658 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 208.233.142.007 | 164.625.253.085 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 46.734.453.092 | 55.117.610.243 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 44.380.519.350 | 46.452.672.720 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 62.062.669.427 | 62.117.205.791 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (17.682.150.077) | (15.664.533.071) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 282.160.000 | 282.160.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (282.160.000) | (282.160.000) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.12 | 2.353.933.742 | 8.664.937.523 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 158.155.949.332 | 106.702.387.738 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.13 | 88.342.945.722 | 26.456.866.008 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.14 | 75.527.688.166 | 78.297.688.166 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.15 | 20.745.000.000 | 21.504.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.16 | (26.459.684.556) | (19.556.166.436) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3.342.739.583 | 2.805.255.104 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.17 | 710.677.193 | 1.320.217.868 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | 287.041.736 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.18 | 2.632.062.390 | 1.197.995.500 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 328.975.097.995 | 323.216.199.558 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 150.224.147.278 | 129.002.037.590 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 59.801.555.434 | 81.722.194.982 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.19 | 14.881.088.200 | 5.160.000.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.20 | 6.301.277.916 | 6.850.071.740 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.21 | 4.397.293.993 | 23.430.440.263 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.22 | 873.091.552 | 9.754.827.866 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 3.656.347.478 | 4.422.877.118 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.23 | 1.643.875.256 | 709.505.398 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.24 | 27.798.174.467 | 31.394.472.597 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.25 | 250.406.572 | - |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 90.422.591.844 | 47.279.842.608 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | V.26 | 55.745.031.414 | 2.619.153.519 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.27 | 18.176.348.999 | 20.278.574.699 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | V.28 | 16.501.211.431 | 24.382.114.390 |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 178.750.950.717 | 194.214.161.968 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.29 | 178.727.470.474 | 194.228.301.061 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 131.034.260.000 | 131.034.260.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (1.682.000) | (1.682.000) |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 31.892.305.811 | 31.760.058.963 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 13.011.857.996 | 13.011.857.996 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 2.790.728.667 | 18.423.806.102 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 23.480.243 | (14.139.093) |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | V.30 | 180.000 | (91.430.000) |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | V.31 | 23.300.243 | 77.290.907 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 328.975.097.995 | 323.216.199.558 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|-------------|--------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 1.937,15 | 7.667,01 |
| Yên Nhật (¥) | | 4.151.988 | 7.551.988,00 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Lập ngày 23 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Phạm Thị Đà Giang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiếu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thiện Mỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|---|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 75.243.128.074 | 95.637.060.948 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 344.526.390 | 399.187.458 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 74.898.601.684 | 95.237.873.490 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 53.618.493.538 | 69.939.895.442 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 21.280.108.146 | 25.297.978.048 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 935.140.412 | 2.661.785.035 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 10.116.102.209 | 9.767.562.416 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 2.115.543.769 | 2.461.890.183 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.5 | 13.146.889.550 | 12.555.392.368 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (1.047.743.201) | 5.636.808.299 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 6.390.780.637 | 234.050.177 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 1.294.545.896 | 25.000.000 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 5.096.234.741 | 209.050.177 |
| 14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 45 | | - | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 4.048.491.540 | 5.845.858.476 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 1.216.371.999 | 2.255.265.627 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>2.832.119.541</u> | <u>3.590.592.849</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | | |

Người lập biểu

Phạm Thị Đà Giang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiếu

Lập ngày 23 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thiện Mỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------|-------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 4.048.491.540 | 5.845.858.476 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 2.072.153.370 | 2.669.637.567 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 8.101.871.405 | 7.607.138.319 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | - | 91.419.945 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (424.665.969) | (2.477.528.788) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 2.115.543.769 | 2.461.890.183 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 15.913.394.115 | 16.198.415.702 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 10.632.574.020 | (2.753.428.778) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 22.246.235.564 | 38.393.437.326 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (24.244.789.969) | (37.909.023.978) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 466.732.656 | 627.798.060 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (433.269.691) | (637.055.076) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (2.465.191.293) | (1.840.672.109) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 1.042.722.000 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (4.364.857.667) | (6.234.259.113) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 18.793.549.735 | 5.845.212.034 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (400.000.000) | (500.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 2.598.203.933 | 7.900.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (29.760.483.775) | (17.335.543.120) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 920.000.000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 541.583.528 | 901.289.575 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (26.100.696.314) | (9.034.253.545) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | | Năm trước | |
|--|----------------------|------------|-----------------------------|-----------|-----------------------------|
| | | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 16.889.301.000 | | 7.120.741.300 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (10.888.710.300) | | (10.060.015.516) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <u>6.000.590.700</u> | | <u>(2.939.274.216)</u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (1.306.555.879) | | (6.128.315.727) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 5.720.640.886 | | 11.940.376.558 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | | (91.419.945) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | <u>4.414.085.007</u> | | <u>5.720.640.886</u> |

Người lập biểu

Phạm Thị Đà Giang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiếu

Lập ngày 23 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thiện Mỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, xây lắp.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : - Xuất khẩu lao động
- Giáo dục đào tạo
- Kinh doanh bất động sản
- Kinh doanh thương mại
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 243 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 285 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 - 35 |
| Máy móc và thiết bị | 5 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 8 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 |
| Tài sản cố định khác | 8 |

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được trích lập 100% trên giá gốc của khoản đầu tư theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển, Quyết định tạm dừng hoạt động sản xuất của Công ty kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2011.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.085 VND/USD
200,14 VND/JPY
31/12/2014 : 21.375 VND/USD
178,17 VND/JPY

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 1.271.866.968 | 1.779.770.215 |
| Tiền gửi ngân hàng | 3.142.218.039 | 3.366.624.271 |
| Tiền đang chuyển | - | 574.246.400 |
| Cộng | <u>4.414.085.007</u> | <u>5.720.640.886</u> |

2. Đầu tư ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|--------------------|-----------------------------|-------------------|------------------------------|
| | <u>Số lượng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số lượng</u> | <u>Giá trị</u> |
| Các khoản cho vay ngắn hạn | | 8.485.230.611 | | 10.536.309.544 |
| <i>Cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa vay</i> | | - | | 2.598.203.933 |
| <i>Cho Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN</i> | | 400.000.000 | | - |
| <i>Cho Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điện vay</i> | | 8.085.230.611 | | 7.938.105.611 |
| Cộng | | <u>8.485.230.611</u> | | <u>10.536.309.544</u> |

3. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Phải thu khách hàng về cung cấp dịch vụ | 1.105.430.298 | 1.056.332.225 |
| Phải thu các khách hàng khác | 3.125.606.948 | 4.471.814.499 |
| Phải thu các khách hàng về Xây lắp | 1.047.688.043 | 487.825.322 |
| Cộng | <u>5.278.725.289</u> | <u>6.015.972.046</u> |

4. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Trả trước cho người bán dự án Hà Tĩnh | 4.935.370.450 | 5.188.146.850 |
| Trả trước cho người bán dự án Phụng Hiệp | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Các khoản trả trước khác | 590.100.000 | 30.864.500 |
| Cộng | <u>5.825.470.450</u> | <u>5.519.011.350</u> |

5. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Phải thu tiền ứng mua quyền khai thác mỏ | 8.500.000.000 | 8.500.000.000 |
| Phải thu tiền ứng thực hiện dự án Myanmar | - | 1.500.000.000 |
| Phải thu Công ty Mysico | 159.785.871 | 1.985.946.870 |
| Phải thu khác | 2.591.994.227 | 1.748.922.278 |
| Cộng | <u>11.251.780.098</u> | <u>13.734.869.148</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán | 1.845.117.688 | 1.449.846.844 |
| Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi | 3.117.750.655 | 3.117.750.655 |
| Cộng | <u>4.962.868.343</u> | <u>4.567.597.499</u> |

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 4.567.597.499 | 3.945.956.655 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 395.270.844 | 679.870.844 |
| Xử lý nợ phải thu | - | (58.230.000) |
| Số cuối năm | <u>4.962.868.343</u> | <u>4.567.597.499</u> |

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 35.288.303 | 46.561.560 |
| Công cụ, dụng cụ | 23.609.009 | 28.093.472 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 88.650.112.250 | 110.880.590.094 |
| Cộng | <u>88.709.009.562</u> | <u>110.955.245.126</u> |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Chi phí Công cụ dụng cụ | 48.077.465 | 28.745.701 |
| Chi phí bảo hiểm | 20.768.064 | 18.751.401 |
| Chi phí sửa chữa | 37.918.228 | 6.958.636 |
| Tiền thuê nhà | 90.500.000 | |
| Cộng | <u>197.263.757</u> | <u>54.455.738</u> |

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là các khoản tạm ứng của Cán bộ nhân viên Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| 10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình | Tài sản cố định hữu hình | | | | | |
|---|---------------------------------|----------------------------|--|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 56.150.327.605 | 1.459.885.727 | 3.844.390.592 | 356.775.867 | 305.826.000 | 62.117.205.791 |
| Giảm trong năm do thanh lý | - | - | - | (54.536.364) | - | (54.536.364) |
| Số cuối năm | 56.150.327.605 | 1.459.885.727 | 3.844.390.592 | 302.239.503 | 305.826.000 | 62.062.669.427 |
| Trong đó | | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | 1.038.508.053 | 1.188.760.227 | 2.985.608.956 | 302.239.503 | - | 5.515.116.739 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 10.728.449.150 | 1.273.629.304 | 3.226.036.550 | 356.775.867 | 79.642.200 | 15.664.533.071 |
| Khấu hao trong năm | 1.820.415.723 | 108.207.135 | 105.302.256 | - | 38.228.256 | 2.072.153.370 |
| Giảm do thanh lý | - | - | - | (54.536.364) | - | (54.536.364) |
| Số cuối năm | 12.548.864.873 | 1.381.836.439 | 3.331.338.806 | 302.239.503 | 117.870.456 | 17.682.150.077 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 45.421.878.455 | 186.256.423 | 618.354.042 | - | 226.183.800 | 46.452.672.720 |
| Số cuối năm | 43.601.462.732 | 78.049.288 | 513.051.786 | - | 187.955.544 | 44.380.519.350 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy vi tính | Tài sản cố định vô hình khác | Cộng |
|--|-------------------------|---------------------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 190.500.000 | 91.660.000 | 282.160.000 |
| Tăng trong năm | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 190.500.000 | 91.660.000 | 282.160.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 190.500.000 | 91.660.000 | 282.160.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 190.500.000 | 91.660.000 | 282.160.000 |
| Tăng do khấu hao trong năm | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 190.500.000 | 91.660.000 | 282.160.000 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | - | - | - |
| Số cuối năm | - | - | - |

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển khoản đầu tư | Số cuối năm |
|--|----------------------|-----------------------------------|----------------------------|----------------------|
| Dự án Phụng Hiệp | 2.309.020.651 | - | - | 2.309.020.651 |
| Chi phí đầu tư khai thác mỏ Myanmar (GD2) | 6.311.003.781 | 153.411.177 | 6.464.414.958 | - |
| Dự án đầu tư xây dựng nhà máy khai thác Cát trắng (Silica) | 44.913.091 | - | - | 44.913.091 |
| Cộng | 8.664.937.523 | 153.411.177 | 6.464.414.958 | 2.353.933.742 |

13. Đầu tư vào công ty con

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 335/BKHĐT - ĐTRNN - ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 17 tháng 8 năm 2012 cho phép Công ty Cổ phần Simco Sông Đà thành lập Công ty Cổ phần Hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà tại Myanmar.

Tổng số vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài đồng thời là vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 18.147.000 USD, tương đương 381.087.000.000 VND. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã đầu tư là 88.342.945.722 VND, số còn phải đầu tư là 292.176.290.861 VND. Trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà là: 41.128.220.115 VND, phần vốn góp nhận ủy thác đầu tư là: 47.214.725.607 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa | 2.600.000 | 26.000.000.000 | 2.762.000 | 27.620.000.000 |
| Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thủy Điện | 2.397.000 | 23.970.000.000 | 2.397.000 | 23.970.000.000 |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN | 1.600.000 | 16.000.000.000 | 1.600.000 | 16.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành | 576.684 | 5.766.843.859 | 576.684 | 5.766.843.859 |
| Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà | 350.000 | 2.900.000.000 | 350.000 | 2.900.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xuất khẩu may Sông Đà | 83.860 | 890.844.307 | 83.860 | 890.844.307 |
| Công ty TNHH Simco Sông Đà | | | | 1.150.000.000 |
| Cộng | | 75.527.688.166 | | 78.297.688.166 |

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

| Tên Công ty | Tỷ lệ vốn cam kết góp | Tỷ lệ vốn thực góp | Tỷ lệ lợi ích | Vốn góp thực tế |
|--|-----------------------|--------------------|---------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa | 27,48% | 31,30% | 31,30% | 26.000.000.000 |
| <i>Vốn góp của Công ty</i> | 27,48% | 31,30% | 31,30% | 26.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điện | 42,80% | 42,80% | 32,53% | 23.970.000.000 |
| <i>Vốn góp của Công ty</i> | 32,53% | 32,53% | | 18.220.000.000 |
| <i>Vốn nhận ủy thác của CBCNV^(*)</i> | 10,27% | 10,27% | | 5.750.000.000 |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN | 45% | 59,99% | 59,99% | 16.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành | 40% | 23,52% | 23,52% | 5.766.843.859 |
| Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ Thông tin Sông Đà | 35% | 35,83% | 35,83% | 2.900.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xuất khẩu may Sông Đà | 20,97% | 20,97% | 20,97% | 890.844.307 |
| Cộng | | | | 75.527.688.166 |

(*) Đây là các khoản nhận ủy thác đầu tư của cán bộ nhân viên Công ty theo các hợp đồng ủy thác đầu tư. Theo đó, Công ty được ủy thác để góp vốn thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan với tư cách là cổ đông của bên nhận góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Đầu tư cổ phiếu | | 13.745.000.000 | | 13.745.000.000 |
| <i>Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà</i> | 1.374.500 | 13.745.000.000 | 1.374.500 | 13.745.000.000 |
| Đầu tư vào đơn vị khác | | 7.000.000.000 | | 7.759.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê</i> | | | 69.000 | 759.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng - Kratie</i> | 300.000 | 3.300.000.000 | 300.000 | 3.300.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh Sơn</i> | 210.000 | 2.100.000.000 | 210.000 | 2.100.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà^(*)</i> | 100.000 | 1.100.000.000 | 100.000 | 1.100.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung</i> | 50.000 | 500.000.000 | 50.000 | 500.000.000 |
| Cộng | | 20.745.000.000 | | 21.504.000.000 |

(*) Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty này để làm căn cứ trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết | 21.873.028.264 | 19.505.360.144 |
| - Công ty TNHH Simco Sông Đà | | 803.082.441 |
| - Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển | 18.220.000.000 | 18.220.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Cao Su Phú Riêng - Kratie | 3.300.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành | 353.028.264 | 325.961.154 |
| - Công ty Cổ phần may Xuất khẩu Sông Đà | - | 156.316.549 |
| Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác | 4.586.656.292 | 50.806.292 |
| - Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà | 4.535.850.000 | |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung | 50.806.292 | 50.806.292 |
| Cộng | 26.459.684.556 | 19.556.166.436 |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 19.556.166.436 | 12.570.668.961 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 7.977.158.350 | 7.447.684.303 |
| Hoàn nhập dự phòng | (270.557.789) | (462.186.828) |
| Thanh lý khoản đầu tư đã dự phòng | (803.082.441) | - |
| Số cuối năm | 26.459.684.556 | 19.556.166.436 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Phân bổ vào chi phí trong năm | Số cuối năm |
|------------------|----------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------------|
| Chi phí CCDC | 1.230.288.421 | 9.966.963 | 798.558.474 | 441.696.910 |
| Chi phí sửa chữa | 89.929.447 | 172.701.000 | 35.212.664 | 227.417.783 |
| Chi phí khác | - | 47.500.000 | 5.937.500 | 41.562.500 |
| Cộng | 1.320.217.868 | 230.167.963 | 839.708.638 | 710.677.193 |

18. Tài sản dài hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Ký quỹ tại các ngân hàng | | |
| <i>Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT tỉnh Nghệ An</i> | 11.992.290 | 11.947.400 |
| <i>Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT tỉnh Thanh Hóa</i> | 33.592.100 | 33.592.100 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung</i> | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây</i> | 1.586.478.000 | 152.456.000 |
| Cộng | 2.632.062.390 | 1.197.995.500 |

19. Vay và nợ ngắn hạn

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Vay vốn Dự án Hà Tĩnh ^(*) | 530.231.000 | - |
| Vay vốn Dự án Myanmar ^(**) | 6.174.100.000 | - |
| Vay vốn cá nhân khác ^(***) | 8.176.757.200 | 5.160.000.000 |
| Tổng cộng | 14.881.088.200 | 5.160.000.000 |

(*) Vay vốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần BIDV chi nhánh Hà Tây để thanh toán gói thầu thi công CD06 tại Dự án Hà Tĩnh, thời hạn 5 tháng, lãi suất 8,5%/năm.

(**) Vay vốn tại Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn 6 tháng, lãi suất 12%/năm.

(***) Là các vay cá nhân theo hợp đồng huy động vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất huy động do thỏa thuận giữa bên vay và bên đi vay phù hợp với lãi suất ngân hàng công bố từng thời điểm, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh khoản vay như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Tăng do vốn hóa | Số trả vay trong năm | Số cuối năm |
|----------------------|----------------------|---------------------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|
| Vay vốn DA Hà Tĩnh | | 530.231.000 | | | 530.231.000 |
| Vay vốn DA Myanmar | | 6.174.100.000 | | | 6.174.100.000 |
| Vay vốn cá nhân khác | 5.160.000.000 | 10.184.970.000 | 21.757.200 | 7.189.970.000 | 8.176.757.200 |
| Cộng | 5.160.000.000 | 16.889.301.000 | 21.757.200 | 7.189.970.000 | 14.881.088.200 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Phải trả người bán dự án Hà Tĩnh | 5.189.167.015 | 4.536.238.415 |
| Phải trả người bán dự án Vạn Phúc | 516.339.320 | 493.844.320 |
| Phải trả người bán khác | 314.183.893 | 902.078.005 |
| Phải trả người bán về Xây lắp | 281.587.688 | 917.911.000 |
| Cộng | <u>6.301.277.916</u> | <u>6.850.071.740</u> |

21. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Người mua trả trước tiền nhà Dự án đất 15% Vạn Phúc | | 18.062.500.000 |
| Tiền ứng trước của Dự án Hà Tĩnh | 4.292.828.993 | 5.217.940.263 |
| Các khoản người mua trả tiền trước khác | 104.465.000 | 150.000.000 |
| Cộng | <u>4.397.293.993</u> | <u>23.430.440.263</u> |

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 395.161.262 | 837.257.538 | 1.232.418.800 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.239.834.030 | 828.045.251 | 2.465.191.293 | 602.687.988 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 13.149.273 | 226.287.972 | 228.437.111 | 11.000.134 |
| Thuế nhà đất | 7.106.683.301 | 730.488.449 | 7.577.768.320 | 259.403.430 |
| Các loại thuế khác | - | 5.000.000 | 5.000.000 | - |
| Cộng | <u>9.754.827.866</u> | <u>2.627.079.210</u> | <u>11.508.815.524</u> | <u>873.091.552</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|----------------------------|-----|
| Dịch vụ xuất khẩu lao động | 0% |
| Các hoạt động khác | 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 4.048.491.540 | 5.845.858.476 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 1.480.472.090 | 91.624.000 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.480.472.090 | 91.624.000 |
| Thù lao HĐQT | 70.800.000 | 66.624.000 |
| Phạt hành chính | 1.294.232.598 | 25.000.000 |
| Chi phí không hợp lý hợp lệ khác | 115.439.492 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| - <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i> | | |
| Thu nhập chịu thuế | 5.528.963.630 | 5.937.482.476 |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh Bất động sản | 2.915.408.823 | 9.021.062.508 |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác | 2.613.554.807 | (3.083.580.032) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 1.216.371.999 | 2.255.265.627 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | (101.285.012) | 2.039.250 |
| Tổng TNDN phải nộp | 1.115.086.987 | 2.257.304.877 |
| Thuế TNDN tạm nộp cho hoạt động bất động sản quyết toán | (287.041.736) | |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp | 828.045.251 | 2.257.304.877 |

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|----------------------|--------------------|
| Thù lao HĐQT | 288.000.000 | 223.350.000 |
| Chi phí thẩm tra quyết toán VĐT | 124.348.434 | 124.348.434 |
| TKBV thi công đường dây & TBA | 32.162.824 | 32.162.824 |
| Chi phí xuất khẩu lao động | 728.631.609 | - |
| Dự phòng phí dự án Vạn Phúc | 244.166.284 | - |
| Chi phí lãi vay | 17.062.900 | 33.797.200 |
| Chi phí phải trả khác | 209.503.205 | 295.846.940 |
| Cộng | 1.643.875.256 | 709.505.398 |

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Kinh phí công đoàn | 407.082.154 | 462.486.892 |
| Bảo hiểm xã hội | 1.284.861.723 | 1.476.962.001 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 10.455.000 | 883.699.695 |
| Phải trả của hoạt động Xuất khẩu lao động | 5.266.949.656 | 7.743.187.032 |
| Chi phí nhân công thuê ngoài | - | 1.214.345.635 |
| Nhận ủy thác đầu tư của CBNV | - | 7.370.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền góp vốn dự án Myanmar | | 9.993.511.185 |
| Tiền nhận đặt cọc hoàn thiện nhà | 775.000.000 | 1.022.381.520 |
| Cổ tức chưa chi | 17.034.235.140 | - |
| Phải trả CBNV tiền chi quá tạm ứng | 539.124.397 | 490.068.600 |
| Các quỹ hỗ trợ CBNV | 224.377.520 | 292.421.560 |
| Các khoản phải trả khác | 2.256.088.877 | 445.408.477 |
| Cộng | <u>27.798.174.467</u> | <u>31.394.472.597</u> |
| 25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | |
| Là quỹ phúc lợi | | |
| | <u>Năm nay</u> | |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 1.400.000.000 | |
| Chi quỹ trong năm | (1.149.593.428) | |
| Số cuối năm | <u>250.406.572</u> | |
| 26. Phải trả dài hạn khác | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 2.780.305.807 | 2.619.153.519 |
| Phải trả tiền nhận góp vốn đầu tư | 52.964.725.607 | - |
| Số cuối năm | <u>55.745.031.414</u> | <u>2.619.153.519</u> |
| 27. Vay và nợ dài hạn | | |
| Là các khoản vay dài hạn các cá nhân theo Hợp đồng nhận tiền gửi có kỳ hạn với các cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng với lãi suất theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm gửi. Tiền lãi được trả 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của tháng thứ 6. Khi đến hạn trả lãi, sau 7 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của tháng thứ 6, bên cho vay không đến nhận lãi thì Công ty sẽ nhập lãi vào gốc để tính cho kỳ hạn tiếp theo. | | |
| Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn cá nhân như sau | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Số đầu năm | 20.278.574.699 | 13.529.312.500 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | - | 5.960.741.300 |
| Lãi nhập gốc | 1.596.514.600 | 1.762.572.599 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (3.698.740.300) | (974.051.700) |
| Số cuối năm | <u>18.176.348.999</u> | <u>20.278.574.699</u> |
| 28. Doanh thu chưa thực hiện | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Phí dịch vụ Xuất khẩu lao động | 16.313.855.612 | 12.823.893.934 |
| Nhận trước tiền bán nhà dự án đất 15% Vạn Phúc | | 11.459.741.818 |
| Phí dịch vụ đào tạo | 187.355.819 | 98.478.638 |
| Cộng | <u>16.501.211.431</u> | <u>24.382.114.390</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 131.034.260.000 | (1.682.000) | 31.760.058.963 | 13.011.857.996 | 14.833.213.253 | 190.637.708.212 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | 3.590.592.849 | 3.590.592.849 |
| Số dư cuối năm trước | 131.034.260.000 | (1.682.000) | 31.760.058.963 | 13.011.857.996 | 18.423.806.102 | 194.228.301.061 |
| Số dư đầu năm nay | 131.034.260.000 | (1.682.000) | 31.760.058.963 | 13.011.857.996 | 18.423.806.102 | 194.228.301.061 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 2.832.119.541 | 2.832.119.541 |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | - | 132.246.848 | - | (1.532.246.848) | (1.400.000.000) |
| Chia cổ tức năm nay | - | - | - | - | (17.034.235.140) | (17.034.235.140) |
| Điều chỉnh thuế theo KTNN | - | - | - | - | 101.285.012 | 101.285.012 |
| Số dư cuối năm | 131.034.260.000 | (1.682.000) | 31.892.305.811 | 13.011.857.996 | 2.790.728.667 | 178.727.470.474 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn góp của Tổng Công ty Sông Đà | 66.830.400.000 | 66.830.400.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 64.203.860.000 | 64.203.860.000 |
| Cổ phiếu quỹ | (1.682.000) | (1.682.000) |
| Cộng | 131.032.578.000 | 131.032.578.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 13.103.426 | 13.103.426 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 13.103.426 | 13.103.426 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>13.103.426</i> | <i>13.103.426</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 168 | 168 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>168</i> | <i>168</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 13.103.258 | 13.103.258 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>13.103.258</i> | <i>13.103.258</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

30. Nguồn kinh phí

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|-----------------------|----------------------------|
| Số đầu năm | (91.430.000) | (148.260.000) |
| Nguồn kinh phí được cấp | 91.610.000 | 2.799.632.000 |
| Chi sự nghiệp | - | (2.742.802.000) |
| Cộng | <u>180.000</u> | <u>(91.430.000)</u> |

31. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm | 77.290.907 | 134.069.088 |
| Nguồn kinh phí được cấp | - | - |
| Số khấu hao | (53.990.664) | (56.778.181) |
| Cộng | <u>23.300.243</u> | <u>77.290.907</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Tổng doanh thu</i> | <i>75.243.128.074</i> | <i>95.637.060.948</i> |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 35.976.689.464 | 27.878.611.604 |
| <i>Dịch vụ xuất khẩu lao động</i> | <i>30.602.061.820</i> | <i>23.286.521.657</i> |
| <i>Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác</i> | <i>5.374.627.644</i> | <i>4.592.089.947</i> |
| Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản | 36.657.647.632 | 63.342.065.999 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 2.608.790.978 | 4.416.383.345 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | 344.526.390 | 399.187.458 |
| - Hàng bán trả lại | 344.526.390 | 399.187.458 |
| Doanh thu thuần | <u>74.898.601.684</u> | <u>95.237.873.490</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i> | <i>35.700.009.275</i> | <i>27.479.424.146</i> |
| - <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i> | <i>36.657.647.632</i> | <i>63.342.065.999</i> |
| - <i>Doanh thu thuần hoạt động xây dựng</i> | <i>2.540.944.777</i> | <i>4.416.383.345</i> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 22.783.879.811 | 20.205.576.257 |
| <i>Dịch vụ Xuất khẩu lao động</i> | <i>19.975.123.346</i> | <i>14.403.237.591</i> |
| <i>Các dịch vụ khác</i> | <i>2.808.756.465</i> | <i>5.802.338.666</i> |
| Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản | 28.910.175.525 | 45.970.496.882 |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 1.924.438.202 | 3.763.822.303 |
| Cộng | <u>53.618.493.538</u> | <u>69.939.895.442</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 51.119.160 | 167.005.542 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 541.583.528 | 838.245.787 |
| Lãi cho vay | - | 1.620.907.801 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 342.437.724 | 23.871.711 |
| Lãi chậm nộp | - | 11.754.194 |
| Cộng | <u>935.140.412</u> | <u>2.661.785.035</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 2.115.543.769 | 2.461.890.183 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 107.534.672 | 228.754.813 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 91.419.945 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | 7.706.600.561 | 6.985.497.475 |
| Lỗ thanh lý đầu tư | 116.917.559 | - |
| Chi phí tài chính khác | 6.778.375 | - |
| Phí ủy thác đầu tư | 62.727.273 | - |
| Cộng | <u>10.116.102.209</u> | <u>9.767.562.416</u> |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 7.180.970.874 | 7.116.640.448 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 291.773.612 | 859.151.993 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 362.614.775 | 99.686.750 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 345.948.963 | 334.969.954 |
| Thuế, phí và lệ phí | 275.366.845 | 86.407.315 |
| Chi phí dự phòng | 395.270.844 | 621.640.844 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.867.395.704 | 1.464.674.608 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.427.547.933 | 1.972.220.456 |
| Cộng | <u>13.146.889.550</u> | <u>12.555.392.368</u> |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng | 5.220.674.916 | 43.160.136 |
| Xử lý nợ phải trả quá hạn | 873.244.695 | - |
| Thu nhập khác | 296.861.026 | 190.890.041 |
| Cộng | <u>6.390.780.637</u> | <u>234.050.177</u> |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|--------------------------|
| Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính | - | 25.000.000 |
| Tiền phạt chậm nộp bảo hiểm | 366.974.658 | - |
| Phạt chậm nộp tiền quỹ đất 15 %- Vạn phúc | 927.257.940 | - |
| Chi phí khác | 313.298 | - |
| Cộng | <u>1.294.545.896</u> | <u>25.000.000</u> |

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương | 1.148.525.080 | 1.337.490.950 |
| Thù lao | 525.600.000 | 487.440.000 |
| Cộng | <u>1.674.125.080</u> | <u>1.824.930.950</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|---------------------|
| Tổng Công ty Sông Đà | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđoa | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Xuất khẩu may Sông Đà | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà | Thành viên tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 27 | Thành viên tập đoàn |

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <i>Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà</i> | | |
| Góp vốn vào Công ty con | | 23.734.082.328 |
| Hỗ trợ vốn cho Công ty con | 620.600.211 | 1.995.018.070 |
| Chuyển nợ thành vốn góp công ty con | 1.500.000.000 | |
| Thanh toán tiền lương nhân viên Myanmar | 474.780.400 | |
| <i>Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển</i> | | |
| Cung cấp dịch vụ cho Simco Sông Đà | | 61.696.437 |
| Vay công ty Simco Sông Đà | 147.125.000 | 769.130.000 |
| Simco Sông Đà Hỗ trợ vốn | | 285.980.240 |
| <i>Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđoa</i> | | |
| Gốc và lãi vay phải trả Simco Sông Đà | 2.598.203.933 | 1.620.907.801 |
| Chuyển trả tiền vay cho Simco Sông Đà | | 7.900.000.000 |
| Chuyển trả tiền ủy thác đầu tư về cho Cán bộ nhân viên | 1.620.000.000 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà | | |
| Simco Sông Đà cung cấp dịch vụ thuê văn phòng | 318.230.247 | 419.360.475 |
| Cung cấp thiết bị cho Simco Sông Đà | | 293.882.445 |
| Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau: | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển | | |
| Phải thu tiền gốc và lãi vay | 8.085.230.611 | 7.976.955.851 |
| Phải thu về khối lượng xây lắp | 1.976.354.222 | 1.976.354.222 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđoa | | |
| Phải thu tiền gốc và lãi vay | - | 2.598.203.933 |
| Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà | | |
| Phải thu về phí dịch vụ đã cung cấp | 737.688.043 | 310.000.000 |
| Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà | | |
| Tiền chuyển nhượng vốn | 310.000.000 | 456.448.525 |
| Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà | | |
| Phải thu công ty con tiền hỗ trợ vốn | 159.785.871 | 1.995.018.070 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 27 | | |
| Ứng trước chi phí dự án | 1.400.000.000 | 1.400.000.000 |
| Cộng nợ phải thu | 12.669.058.747 | 16.712.980.601 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 27 | | |
| Phải trả về khối lượng xây lắp hoàn thành | 1.399.620.100 | 1.111.711.100 |
| Cộng nợ phải trả | 1.399.620.100 | 1.111.711.100 |

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Xuất khẩu lao động: Cung cấp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài.
- Lĩnh vực kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp: Xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, bán biệt thự, căn hộ liền kề.
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác: Cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, dạy học, các dịch vụ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động | Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp | Kinh doanh dịch vụ khác | Cộng |
|---|---------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 30.325.381.631 | 39.198.592.409 | 5.374.627.644 | 74.898.601.684 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 30.325.381.631 | 42.792.722.980 | 5.433.153.657 | 74.898.601.684 |
| | | | | |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 10.350.258.285 | 8.363.978.682 | 2.565.871.179 | 21.280.108.146 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (13.146.889.550) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 8.133.218.596 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 935.140.412 |
| Chi phí tài chính | | | | (10.116.102.209) |
| Thu nhập khác | | | | 6.390.780.637 |
| Chi phí khác | | | | (1.294.545.896) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (1.216.371.999) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 2.832.119.541 |
| | | | | |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 93.191.744 | 120.459.661 | 16.516.558 | 230.167.963 |
| | | | | |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 702.650.562 | 908.246.212 | 1.300.965.233 | 2.911.862.008 |
| | | | | |
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 22.887.334.199 | 67.758.449.344 | 4.592.089.947 | 95.237.873.490 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22.887.334.199 | 67.758.449.344 | 4.592.089.947 | 95.237.873.490 |
| | | | | |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 15.252.876.360 | 18.024.130.159 | (7.979.028.471) | 25.297.978.048 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (12.555.392.368) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 12.742.585.680 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 2.661.785.035 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động | Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp | Kinh doanh dịch vụ khác | Cộng |
|---|---|---|----------------------------|----------------------|
| Chi phí tài chính | | | | (9.767.562.416) |
| Thu nhập khác | | | | 234.050.177 |
| Chi phí khác | | | | (25.000.000) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (2.255.265.627) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 3.590.592.849 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 906.456.558 | 2.683.584.303 | 181.870.462 | 3.771.911.323 |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động | Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp | Kinh doanh dịch vụ khác | Cộng |
|--|---|---|----------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 1.105.430.298 | 97.660.086.960 | 9.346.135.719 | 108.111.652.977 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 1.867.069.718 | 2.634.657.601 | 334.507.799 | 4.611.348.764 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 215.722.021.058 |
| Tổng tài sản | | | | 328.445.022.799 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 24.287.618.368 | 19.408.899.358 | 428.648.893 | 44.125.166.619 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 113.628.088.131 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 157.753.254.750 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 5.024.474.014 | 135.127.324.237 | 1.136.654.559 | 141.288.452.810 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 181.927.746.748 |
| Tổng tài sản | | | | 323.216.199.558 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 36.024.474.014 | 53.141.258.340 | 1.310.556.643 | 90.476.288.997 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 38.525.748.593 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 129.002.037.590 |

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.414.085.007 | - | - | - | 4.414.085.007 |
| Phải thu khách hàng | 5.127.155.556 | - | - | 151.569.733 | 5.278.725.289 |
| Các khoản cho vay | 4.607.479.956 | - | - | 3.877.750.655 | 8.485.230.611 |
| Các khoản phải thu khác | 1.970.931.727 | - | - | 38.850.240 | 2.009.781.967 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 7.000.000.000 | 13.745.000.000 | - | - | 20.745.000.000 |
| Cộng | 23.119.652.246 | 13.745.000.000 | - | 4.068.170.628 | 40.932.822.874 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.720.640.886 | - | - | - | 5.720.640.886 |
| Phải thu khách hàng | 3.776.668.391 | - | - | 2.153.423.955 | 6.015.972.046 |
| Các khoản cho vay | 6.739.838.589 | - | - | 3.877.750.655 | 10.536.309.544 |
| Các khoản phải thu khác | 14.932.864.648 | - | - | - | 14.932.864.648 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 21.004.000.000 | 500.000.000 | - | - | 21.504.000.000 |
| Cộng | 52.174.012.514 | 500.000.000 | - | 6.031.174.610 | 58.709.787.124 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 14.881.088.200 | 18.176.348.999 | - | 33.057.437.199 |
| Phải trả người bán | 6.301.277.916 | - | - | 6.301.277.916 |
| Các khoản phải trả khác | 7.981.272.858 | 55.745.031.414 | - | 63.726.304.272 |
| Cộng | 29.163.638.974 | 73.921.380.413 | - | 103.085.019.387 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 5.160.000.000 | 20.278.574.699 | - | 25.438.574.699 |
| Phải trả người bán | 6.850.071.740 | - | - | 6.850.071.740 |
| Các khoản phải trả khác | 10.804.182.122 | 2.619.153.519 | - | 13.423.335.641 |
| Cộng | 22.814.253.862 | 22.897.728.218 | - | 45.711.982.080 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện dịch vụ xuất khẩu lao động với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và JPY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty thực hiện dịch vụ xuất khẩu lao động với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và JPY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|------------|-----------|------------|--------------|
| | USD | JPY | USD | JPY |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.937,15 | 4.151.988 | 7.667,01 | 7.551.988,00 |

Do số dư tài sản có gốc ngoại tệ nhỏ, nên ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ đến lợi nhuận của công ty là không đáng kể.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.414.085.007 | - | 5.720.640.886 | - | 4.414.085.007 | 5.720.640.886 |
| Phải thu khách hàng | 5.278.725.289 | (1.565.117.688) | 6.015.972.046 | (1.169.846.844) | 3.713.607.601 | 4.846.125.202 |
| Các khoản cho vay | 8.485.230.611 | (3.397.750.655) | 10.536.309.544 | (3.397.750.655) | 5.087.479.956 | 7.138.558.889 |
| Các khoản phải thu khác | 2.009.781.967 | - | 14.932.864.648 | - | 2.009.781.967 | 14.932.864.648 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 20.745.000.000 | (4.586.656.292) | 21.504.000.000 | (50.806.292) | 16.158.343.708 | 21.453.193.708 |
| Cộng | 40.932.822.874 | (9.549.524.635) | 58.709.787.124 | (4.618.403.791) | 31.383.298.239 | 54.091.383.333 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Vay và nợ | 33.057.437.199 | 25.438.574.699 | 33.057.437.199 |
| Phải trả người bán | 6.301.277.916 | 6.850.071.740 | 6.301.277.916 | 6.850.071.740 |
| Các khoản phải trả khác | 63.726.304.272 | 13.423.335.641 | 63.726.304.272 | 13.423.335.641 |
| Cộng | 103.085.019.387 | 45.711.982.080 | 103.085.019.387 | 45.711.982.080 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

